

LAO ĐỘNG VIỆT NAM THÍCH ỨNG VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

● **BÙI ĐỨC LINH**

TÓM TẮT:

Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu, đã và đang ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Trước bối cảnh mọi ngành nghề, mọi công việc cần phải chuyển đổi số, đòi hỏi con người cũng phải thích ứng với sự thay đổi này. Bài báo khái quát về thực trạng lực lượng lao động Việt Nam thích ứng với chuyển đổi số. Từ kết quả phân tích, tác giả đề xuất một số giải pháp giúp lao động Việt Nam thích ứng với chuyển đổi số, như: Nhà nước cần sớm khai trương sàn giao dịch việc làm quốc gia; triển khai hệ thống dịch vụ xã hội/đa dạng/đa tầng/liên thông; xây dựng động ngũ nhân viên làm công tác xã hội, ...

Từ khóa: lao động, việc làm, chuyển đổi số.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu, là yêu cầu khách quan chung của sự phát triển. Trước bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng phổ biến, mà còn là yêu cầu tất yếu, khách quan đối với mỗi quốc gia và trong mọi lĩnh vực. Xác định, chuyển đổi số là phương thức quan trọng để thực hiện ý chí, khát vọng phát triển đất nước nhanh, bền vững, Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm đến chuyển đổi số trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tại Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019, của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã nêu rõ: chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt

với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Trước bối cảnh buộc phải chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, đòi hỏi lao động Việt Nam phải có sự chuyển biến, thích ứng với yêu cầu, điều kiện của chuyển đổi số. Vì vậy, tác giả cho rằng việc nghiên cứu “Lao động Việt Nam thích ứng với chuyển đổi số” là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa thực sự cả về mặt lý luận và thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

2. Khái quát về lực lượng lao động Việt Nam

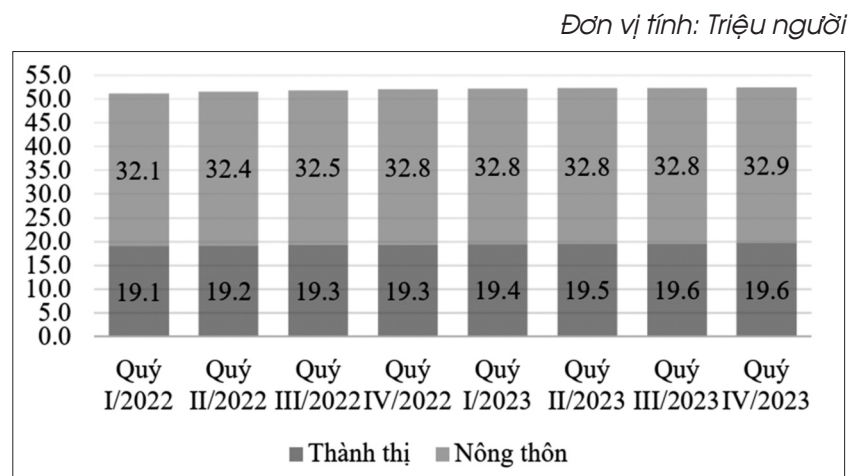
2.1. Khái quát chung

Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo các quý trong năm 2023 có xu hướng tăng lên, trong đó số lượng lao động tăng nhiều nhất là quý IV. Trong quý IV, số

lao động trong lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 52,5 triệu người, tăng so với quý III là 113,5 nghìn người và so với cùng kỳ năm trước tăng 401,9 nghìn người. Tính chung cả năm 2023, tổng số lao động trong lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 52,4 triệu người, tăng so với năm 2022 là 666,5 nghìn người. (Biểu đồ 1)

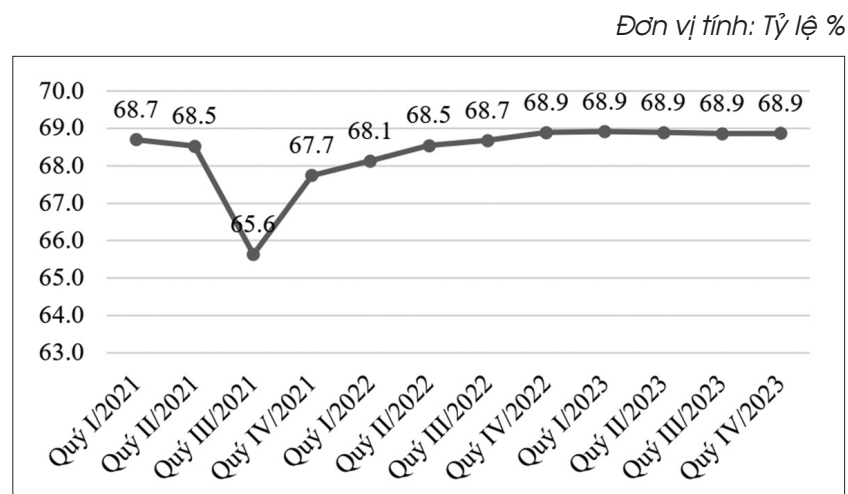
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong năm 2023 tăng so với năm 2022, trong đó tăng lên cả 2 khu vực nông thôn và thành thị. Tuy nhiên, lực lượng lao động có sự khác biệt giữa khu vực nông thôn và thành thị, trong đó số lượng lao động ở mỗi khu vực theo quý trong hai năm 2022 và 2023 ít có sự biến động. Trong khu vực thành thị, năm 2023, số lượng người trong lực lượng lao động tăng nhanh ở quý II với 88,2 nghìn người và 698,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Số lao động trong quý III tăng so với quý II là 82 nghìn người và 546 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Quý IV, số lượng lao động tăng ít hơn, với khoảng 46,4 nghìn người so với quý III và khoảng 401,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Khu vực nông thôn có số lượng lao động trong lực lượng lao động nhiều hơn so với khu vực thành thị. Năm 2023, xét về tốc độ tăng lao động so với quý trước thì quý IV tăng nhiều nhất với khoảng 67,2 nghìn người, trong khi các quý II và quý III tăng so với quý trước lần lượt là 18,8 nghìn người và 10,7 nghìn người. Xét về cơ cấu, các quý trong năm 2023, cơ cấu lao động ở thành thị chiếm trên 37% và nông thôn gần 63%. Tính chung năm 2023, lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 19,5 triệu người, chiếm 37,3% và khu vực nông thôn là 32,8 triệu người chiếm 62,7%. (Biểu đồ 2)

Biểu đồ 1: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo khu vực



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Biểu đồ 2: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động theo quý giai đoạn 2021 - 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

hướng tăng nhẹ trong các quý của năm 2022 và giữ ổn định ở mức 68,9% ở các quý năm 2023. Tính chung, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động năm 2023 là 68,9%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với năm 2022.

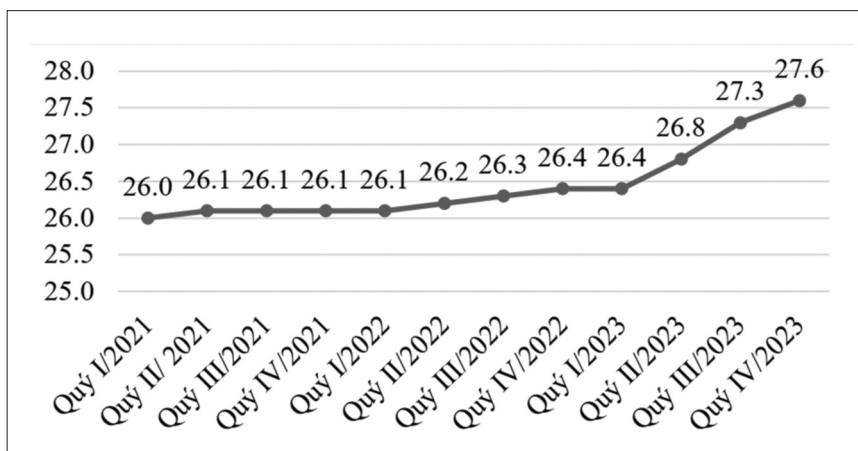
Như vậy, xét về giá trị tuyệt đối và giá trị tương đối thì lực lượng lao động trong năm 2023 đã tăng lên so với năm 2022. Đây là dấu hiệu tích cực của năm 2023 trong thị trường lao động, thể hiện nguồn cung lao động có xu hướng tăng lên.

2.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đã có nhiều sự thay đổi trong thời gian qua. Điều này cho thấy nguồn nhân lực trong toàn nền kinh tế đã có sự cải thiện về chất lượng. (Biểu đồ 3)

Biểu đồ 3: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ

Đơn vị tính: Tỷ lệ %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ theo quý từ năm 2021 đến năm 2023 có xu hướng thay đổi tích cực, đặc biệt là trong 3 quý cuối năm 2023. Trong 2 năm 2021 và 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo theo quý dao động từ 26% đến 26,4%. Tính chung năm 2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 26,1%, cao hơn mức 25,3% của năm 2020. Năm 2022, tỷ lệ này đạt 26,4% - cao hơn 0,3 điểm % so với năm 2021.

Năm 2023, quý I có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 26,4% bằng tỷ lệ so với quý IV năm 2022. Tuy nhiên, các quý còn lại của năm 2023 có tỷ lệ tăng cao, quý II đạt 26,8% tăng

0,5 điểm phần trăm so với quý I; tỷ lệ lao động qua đào tạo tiếp tục tăng ở quý III với 27,3% và quý IV đạt 26,7%. Tính chung năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2023 tăng lên cho thấy sự cải thiện về chất lượng lao động. Điều này cũng góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, hiện nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo ở Việt Nam đang thấp, đây cũng là thách thức đối với sự phát triển nguồn lao động chất lượng cao của nước ta trong thời gian tới.

2.3. Năng suất lao động

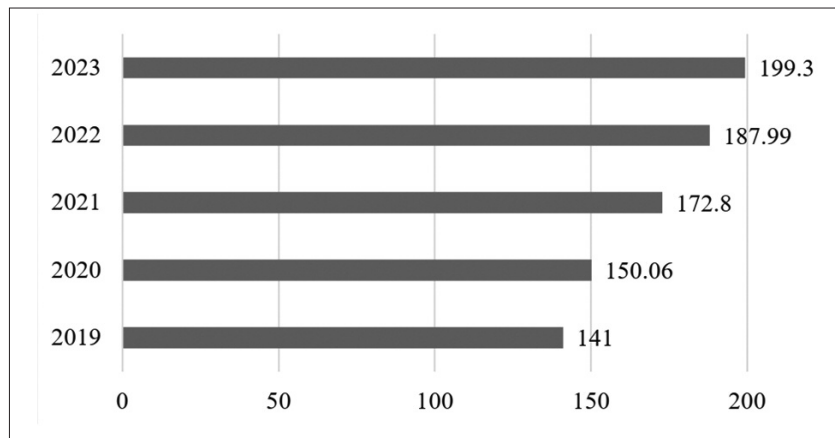
Năng suất lao động trong giai đoạn 2019 - 2023 có xu hướng tăng lên mặc dù chịu tác động của dịch bệnh Covid-19. Năng suất lao động tính theo giá hiện hành và giá so sánh tăng lên, một trong những nguyên nhân cơ bản là do chất lượng lao động có xu hướng tăng lên. Điều này thể hiện thông qua tỷ trọng lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng. (Biểu đồ 4)

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, năm 2019, năng suất lao động đạt 141 triệu đồng/người và năm 2020 tăng lên 6,2% so với năm 2019. Đến năm 2021, năng suất lao động đã ở mức 172,8 triệu đồng/người tăng lên

15,15% so với năm 2020. Năng suất lao động tiếp tục tăng lên và đạt mức 187,99 triệu đồng/người vào năm 2022 tăng 8,79% so với năm 2021. Theo giá hiện hành, năng suất lao động năm 2023 đạt 199,3 triệu đồng/người. Theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022. Như vậy, tỷ lệ lao động qua đào tạo là yếu tố quan trọng đối với việc thúc đẩy năng suất lao động trong toàn bộ nền kinh tế. Đây là điều kiện nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, mức năng suất lao động ở Việt Nam vẫn thấp so với

Biểu đồ 4: Năng suất lao động xã hội trong giai đoạn 2019 - 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng/người



Nguồn: Tổng cục Thống kê

các quốc gia trên thế giới. Do đó, thúc đẩy năng suất lao động dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đang là chiến lược quan trọng hiện nay. Trong đó, một trong những nhiệm vụ hàng đầu là vấn đề đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng suất.

3. Lao động Việt Nam thích ứng với chuyển đổi số

3.1. Thực trạng đào tạo để thích ứng với chuyển đổi số

Đối với đào tạo cán bộ trong hoạt động chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng nền tảng học trực tuyến mở đại trà OneTouch nhằm bồi dưỡng, tập huấn cho các cán bộ về chuyển đổi số ở các cơ quan nhà nước cấp trung ương, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các cơ quan truyền thông, báo chí và phổ cập kỹ năng số cho người dân. Theo số liệu báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, có khoảng 22.307 lượt truy cập vào nền tảng học trực tuyến, có 48 khóa học và 304.397 lượt cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương được đào tạo từ tháng 4/2022 đến ngày 15/11/2023.

Về lao động trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, tổng số lao động ngành Công nghệ thông tin có xu hướng tăng lên. Theo số liệu báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2023, số lượng lao động của ngành có khoảng 1,45 triệu người, tăng 3,57% so với năm 2022. Dự báo trong

2 năm 2024 và 2025, số lượng lao động trong ngành Công nghệ thông tin tăng lên mỗi năm khoảng 50.000 người.

Như vậy, trong xu thế phát triển công nghệ số, vấn đề chất lượng lao động phục vụ chuyển đổi số đã có sự chuyển biến tích cực. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ có xu hướng tăng. Hoạt động đào tạo cán bộ, người lao động trong chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay đã có nhiều thay đổi theo hướng tăng về số lượng. Tuy nhiên, chất lượng lao động vẫn còn là vấn đề đặt ra cần quan

tâm và giải quyết. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến cuối năm 2023, cả nước còn khoảng 38,0 triệu lao động chưa qua đào tạo. Đây là thách thức không nhỏ đối với việc nâng cao trình độ lao động trong nền kinh tế nói chung và nhân lực phục vụ hoạt động chuyển đổi số nói riêng.

3.2. Thực trạng chuyển đổi việc làm

Việc làm trong nền kinh tế năm 2023 có nhiều thay đổi tích cực, cơ cấu việc làm ở thành thị và nông thôn cũng có xu hướng tăng lên so với năm 2022. Theo khu vực kinh tế, việc làm có mức độ chuyển dịch nhẹ giữa các ngành trong 2 năm 2022 và 2023, trong đó, tỷ trọng lao động có việc làm trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản nhìn chung có xu hướng giảm và tăng đối với khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ. (Bảng 1)

Năm 2023, quý I, II, III có số việc làm tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng có xu hướng chậm hơn so với các quý trước. Quý I năm 2023 có 51,1489 triệu lao động có việc làm, tăng 113,5 nghìn người so với quý IV năm 2022. Trong đó, khu vực thành thị có 18,9359 triệu người có việc làm - chiếm 37,02%; khu vực nông thôn có 32,2131 triệu lao động có việc làm - chiếm 62,98%. Quý II và quý III năm 2023, số việc làm có xu hướng tăng, nhưng chậm hơn, tương ứng là 83,3 nghìn người và 87,4 nghìn người. Số lao động có việc làm ở thành thị và nông thôn trong 2 quý II và III có sự tăng nhẹ về số lượng và cơ cấu. Quý IV có số việc làm tăng nhiều hơn so

với các quý trước, với mức tăng 130,4 nghìn người so với quý III và đạt 51,450 triệu lao động. Trong đó, khu vực thành thị có 19,1376 triệu việc làm chiếm 37,2% và nông thôn có 32,3124 triệu việc làm chiếm 62,8%. Tính chung cả năm 2023, có 51,2877 triệu lao động có việc làm trong nền kinh tế, tăng 683 nghìn người tương ứng 1,35% so với năm 2022. Việc làm ở khu vực thành thị vẫn chiếm tỷ trọng thấp hơn so với nông thôn, nhưng có xu hướng tăng so với năm 2022. Số lao động có việc làm ở thành thị năm 2023 là 19,0382 triệu người - chiếm 37,12%, tăng 0,15 điểm phần trăm so với năm 2022. Trong khi đó, ở khu vực nông thôn, số lao động có việc làm là 32,2495 triệu người - chiếm 62,88%. (Biểu đồ 5)

Xét về khu vực kinh tế, cơ cấu lao động có việc làm có sự chuyển dịch giữa các ngành kinh tế. Số lao động có việc làm trong ngành Dịch vụ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp theo là các ngành Công nghiệp và Xây dựng và ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản. Các quý trong năm 2022 ghi nhận sự tăng nhẹ về số việc làm ở cả khu vực kinh tế.

Số việc làm trong ngành Công nghiệp và Xây dựng trong quý I năm 2023 so với quý IV năm 2022 tăng nhiều nhất, với 360,9 nghìn người. Ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản giảm 285,6 nghìn người; ngành Dịch vụ tăng 38,1 nghìn người có việc làm. Tuy nhiên, sang quý II năm 2023, số lao động có việc làm ngành Công nghiệp và Xây dựng; ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản đều giảm so với quý I nhưng ngành Công nghiệp và Xây dựng giảm nhiều hơn tương

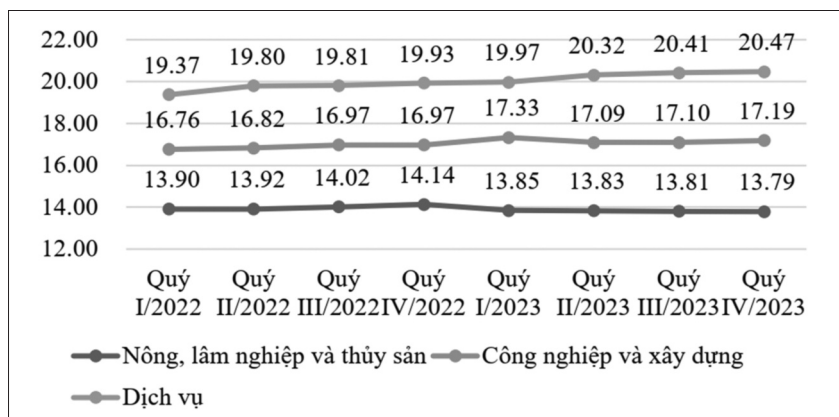
Bảng 1. Số lao động có việc làm phân theo khu vực theo quý

	Tổng số (Nghìn người)	Thành thị		Nông thôn	
		Số lao động	Cơ cấu (%)	Số lao động	Cơ cấu (%)
Quý I/2022	50036,2	18549,5	37,07	31486,7	62,93
Quý II/2022	50540,8	18677,4	36,96	31863,3	63,04
Quý III/2022	50796	18823,3	37,06	31972,7	62,94
Quý IV/2022	51035,4	18815	36,87	32220,4	63,13
Năm 2022	50604,7	18706,4	36,97	31898,4	63,03
Quý I/2023	51148,9	18935,9	37,02	32213,1	62,98
Quý II/2023	51232,2	19001,1	37,09	32231,1	62,91
Quý III/2023	51319,6	19078,1	37,18	32241,5	62,82
Quý IV/2023	51450	19137,6	37,20	32312,4	62,80
Năm 2023	51287,7	19038,2	37,12	32249,5	62,88

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Biểu đồ 5: Số lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế theo quý các năm 2022 - 2023

Đơn vị tính: Triệu người



Nguồn: Tổng cục Thống kê

ứng là 242 nghìn người và 23,8 nghìn người. Ngành Dịch vụ việc làm tăng với tốc độ nhanh tương ứng 349 nghìn người. Quý III và quý IV, số lượng lao động có việc làm ở ngành Công nghiệp và Xây dựng và ngành Dịch vụ tăng trong khi ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tiếp tục giảm. Quý IV năm 2023, khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản có số lao động có việc làm là 13,8 triệu người, chiếm 26,8% và giảm 20,1 nghìn

người (giảm 0,1%) so với quý III năm 2023. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng có số lao động có việc làm tăng 92,0 nghìn người, tương ứng 0,5% so với quý trước và đạt 17,2 triệu người; lao động có việc trong khu vực dịch vụ đạt 20,5 triệu người, tăng 58,6 nghìn người (tăng 0,3%).

Tính chung năm 2023, khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản có 13,8 triệu lao động có việc làm, giảm 118,9 nghìn người, tương ứng giảm 0,9% so với năm trước; số lao động có việc làm của khu vực công nghiệp và xây dựng là 17,2 triệu người, tăng 248,2 nghìn người, tương ứng tăng 1,5%; khu vực dịch vụ có mức tăng lao động có việc làm cao nhất so với 2 khu vực trên với mức tăng 553,6 nghìn người, tương ứng tăng 2,8% và 20,3 triệu người.

Như vậy, trong năm 2023, số lượng lao động có việc làm tăng, thể hiện nền kinh tế đang có sự phục hồi. Xu hướng chuyển dịch lao động trong các ngành cũng theo hướng tích cực tăng ở khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ, giảm ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức lại chiếm tỷ trọng cao với 64,9%. Như vậy, thị trường lao động vẫn chưa có sự cải thiện nhiều về chất lượng, vì lao động có việc làm chủ yếu có các công việc bấp bênh, thiếu tính ổn định.

4. Một số giải pháp để lao động Việt Nam thích ứng với chuyển đổi số

4.1. Đối với Chính phủ

Cần sớm khai trương sàn giao dịch việc làm quốc gia. Qua đó, ngành Lao động, Thương binh và Xã hội sẽ chuyển đổi số toàn diện nhất trong số các bộ ngành khi có sàn giao dịch điện tử này. Chuyển đổi số toàn diện để đáp ứng yêu cầu là nhiệm vụ cấp bách đặt ra đối với ngành Lao động, Thương binh và xã hội.

4.2. Đối với địa phương, doanh nghiệp (Ko liên quan, cần phân tích lại)

Triển khai hệ thống dịch vụ xã hội, đa dạng, đa tầng, liên thông, chuyên nghiệp đáp ứng cơ bản, tăng khả năng tiếp cận với các nhóm đối tượng - nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào di cư tự do, đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội có hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức,

tận tâm, chuyên nghiệp, thúc đẩy xã hội hóa phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội.

4.3. Đối với người lao động

Chuyển đổi số tạo ra hàng loạt việc làm mới, đều được ghi nhận, theo dõi thông tin bằng ứng dụng của công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), để từ đó đưa ra những mô hình tối ưu nhất. Có nhiều phần việc khi ứng dụng công nghệ sẽ giúp tiết giảm sức lao động của con người. Công nghệ không làm mất đi việc làm, mà tạo ra nhiều công ăn việc làm. Trong đó, những lao động công nghệ số là những người được đào tạo chuyên sâu về công nghệ số, như: công nghệ internet của vạn vật, tổ chức dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... Tiếp đến là lực lượng lao động dựa trên ứng dụng công nghệ số, đây là lực lượng đông đảo, làm việc ở mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội và chính họ phải biết ứng dụng các công cụ, phương tiện được tạo ra bởi công nghệ số vào công việc hằng ngày của mình theo đúng quy trình. Và thứ ba là lao động khai thác lợi thế từ công nghệ số, như khai thác hạ tầng internet, mạng xã hội.

Để thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của chuyển đổi số, người lao động phải tự đào tạo và được đào tạo. Nói một cách khác, người lao động cần chủ động thích nghi, xác định rõ tâm thế, chủ động đi học để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc đào tạo nghề. Việc tự đào tạo hay đề xuất để được đào tạo, người lao động vừa thích ứng nhanh với tình hình thay đổi của thời đại, vừa góp phần nâng cao thu nhập, vị thế. Đây là điều bắt buộc để tránh khỏi bị thất nghiệp. Khi đó cơ hội việc làm đến, người lao động sẽ nắm bắt được và hòa nhập nhanh chóng với việc làm mới, môi trường làm việc mới. Đây là sự chuyển đổi tốt đối với sự phát triển của xã hội.

5. Kết luận

Lao động phải thích ứng với chuyển đổi số là tất yếu. Để làm được điều này, cần sự chung tay của cả hệ thống chính trị. Trong đó, sự dẫn dắt của Chính phủ về cơ chế, chính sách giữ vai trò then chốt; giáo dục - đào tạo giữ vị trí hết sức quan trọng, mang tính chiến lược; địa phương, doanh nghiệp là nhân tố trung tâm trong đầu tư, chuyển đổi và thích ứng với công nghệ số, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động đáp ứng được yêu cầu về chuyển đổi số cả về số lượng và chất lượng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tổng cục Thống kê (2023a). Niên giám thống kê 2022. Hà Nội: NXB Thống kê.
2. Tổng cục Thống kê (2023b). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2023. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2023/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2023/>
3. Tổng cục Thống kê (2023c). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2023. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2023/11/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-11-va-11-thang-nam-2023/>
4. Tổng cục Thống kê (2023d). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-hang-thang/?paged=2>
5. Tổng cục Thống kê (2024). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023.

Ngày nhận bài: 28/2/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/3/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 28/3/2024

Thông tin tác giả:

TS. BUI ĐỨC LINH

Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

**THE ADAPTATION OF VIETNAM'S WORKFORCE
TO DIGITAL TRANSFORMATION**

● Ph.D **BUI DUC LINH**

Deputy Head, Faculty of Administration - Organization,
Thai Nguyen University of Economics and Business Administration

ABSTRACT:

Digital transformation is an inevitable trend that has been affecting all socio-economic aspects in Vietnam. The digital transformation process requires people to also adapt to changes in their jobs and working environment. This paper provided an overview of the current adaptation of Vietnam's workforce to digital transformation. Based on the paper's findings, some solutions were proposed to help Vietnamese workers better adapt to digital transformation. For example, it is necessary for the government to soon launch a national employment exchange and develop a diverse, multi-layered, and interconnected social service system; organizations should motivate staff to do social work, etc.

Keywords: labor, employment, digital transformation.